

NHÀ Ở CHO PHỤ NỮ DI CƯ

NGUYỄN HOÀNG ANH, NGUYỄN THỊ THU HOÀI*

Tóm tắt: Bài viết trình bày kết quả nghiên cứu của đề tài cấp Bộ “Nghiên cứu giải pháp về nhà ở cho phụ nữ di cư tại các đô thị lớn” được thực hiện năm 2021. Các phương pháp nghiên cứu được thực hiện bao gồm: nghiên cứu các tài liệu liên quan và thực hiện khảo sát trực tiếp bằng bảng hỏi 497 phụ nữ di cư tại thành phố Hà Nội, phiếu trưng cầu ý kiến 298 người thuộc các bên liên quan và phỏng vấn sâu/thảo luận nhóm đại diện phụ nữ di cư, các bên cung cấp dịch vụ, những nhà hoạch định chính sách, các chuyên gia tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Bài viết chỉ ra các căn cứ để xuất giải pháp nhà ở cho phụ nữ di cư, từ đó gợi ý một số giải pháp từ quan điểm của phụ nữ di cư và các bên liên quan.

Từ khoá: Phụ nữ di cư, nhà ở, nhà ở cho phụ nữ di cư.

Abstract: This article presents the research results of the ministerial-level project: “Research on housing solutions for migrant women in big cities” conducted in 2021. The research methods include: Researching relevant documents and conducting a direct survey using a questionnaire for 497 migrant women in Hanoi, questionnaires for 298 stakeholders and in-depth interviews/sub-group discussions with representatives of female migrant groups, service providers, policymakers, and experts who live in Hanoi and Ho Chi Minh city. The article points out the bases for proposing housing solutions for migrant women, suggesting some solutions from the perspective of migrant women and stakeholders.

Keywords: Female migrants, housing, housing for female migrants.

Đặt vấn đề

Di cư là vấn đề tất yếu của lịch sử loài người với rất nhiều lý do như tìm kiếm các cơ hội học tập, việc làm, phát triển kinh tế, đoàn tụ gia đình, tị nạn chiến tranh, trốn chạy nạn phân biệt chủng tộc, biến đổi khí hậu, tội phạm.

Ở Việt Nam, theo báo cáo “Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019”, tổng số người di cư năm 2019 là 6,4 triệu người, chiếm 7,3% tổng dân số. Trong tổng số những người di cư, nữ giới chiếm 55,5%, nhưng chỉ chiếm 50,1% trong số những người không di cư (Tổng cục thống kê, 2019).

Lao động di cư đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế - xã hội của cả nơi đến và nơi đi. Đối với nơi đến, lao động di cư chính là nguồn cung dồi dào cho thị

* Học viện Phụ nữ Việt Nam

Ngày nhận bài: 17/7/2022; Ngày phản biện: 8/8/2022; Ngày duyệt đăng: 1/11/2022

trường lao động việc làm. Đối với nơi đi, lao động di cư là lực lượng quan trọng tạo ra nguồn cung về tài chính/vật chất cho từng gia đình cũng như địa phương.

Mặc dù vậy, di cư đã đặt ra rất nhiều vấn đề, trong đó có an sinh xã hội. Đối với người di cư đến, khó khăn lớn nhất của họ là chỗ ở, chiếm 47,5%. Có 43,0% người di cư đang phải sống trong các căn nhà thuê mượn, gấp gần tám lần tỷ lệ này của người không di cư (Điều tra di cư nội địa 2015, 2016, tr. 80).

Nhìn từ góc độ giới, phụ nữ di cư đối diện với rất nhiều khó khăn và nguy cơ tiềm ẩn. Kết quả điều tra năm 2014 cho thấy, phần lớn phụ nữ di cư đang thuê nhà ở trọ trong điều kiện chật chội, tồi tàn, các điều kiện sống như nước sạch, điện sinh hoạt, nhà vệ sinh chưa đầy đủ và thiếu nhiều trang thiết bị thiết yếu cho cuộc sống như: điều hòa, bình tắm nóng lạnh, bếp điện/từ... Điều đó đã ảnh hưởng không tốt đến sức khỏe và đe dọa không gian sống an toàn của chị em. Bên cạnh đó, loại hình dịch vụ cho thuê nhà ở phát triển khá tự do, công tác quản lý nhà nước đối với dịch vụ này chưa chặt chẽ. Việc chi trả tiền thuê nhà, tiền điện, nước giá cao không kiểm soát trong các khu nhà trọ ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng sống và tài chính, vốn đã eo hẹp, của phụ nữ di cư. Điều đó khiến an sinh xã hội của phụ nữ di cư không được đảm bảo (Học viện Phụ nữ Việt Nam, 2014).

Bài viết này đề cập đến một số gợi ý về các giải pháp nhà ở cho phụ nữ di cư từ góc độ quan điểm của phụ nữ di cư và các bên liên quan như: các chuyên gia là những nhà khoa học, các nhà nghiên cứu, cán bộ chính quyền, nhân viên của các tổ chức phi chính phủ, các doanh nghiệp, các chủ nhà trọ.

Các số liệu trong bài viết được lấy từ kết quả khảo sát của đề tài: “Nghiên cứu giải pháp về nhà ở cho phụ nữ di cư tại các đô thị lớn”, mã số: HPN.BO.01/21. Nghiên cứu được thực hiện trong năm 2021 trên cơ sở nghiên cứu các tài liệu liên quan và thực hiện khảo sát thực tiễn bằng bảng hỏi 497 phụ nữ di cư tại các địa bàn thuộc thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, phiếu trưng cầu ý kiến 298 người thuộc các bên liên quan và phỏng vấn sâu/thảo luận nhóm các đại diện phụ nữ di cư, các bên cung cấp dịch vụ, những nhà hoạch định chính sách, các chuyên gia.

Kết quả nghiên cứu

1. Các căn cứ đề xuất giải pháp

Tình hình di cư, phụ nữ di cư

Báo cáo Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019 cho thấy, Trong số 88,4 triệu dân từ 5 tuổi trở lên, số người di cư là 6,4 triệu người, chiếm 7,3%, giảm so với năm 2009 (8,5%). Cũng theo kết quả Tổng điều tra năm 2019, Tây Nguyên đã chuyển thành vùng xuất cư; Đồng bằng sông Hồng và Đông Nam Bộ là hai vùng nhập cư duy nhất trên cả nước. Trong đó, tỉnh Bình Dương có tỷ suất di cư thuần dương cao nhất (200,4%) với hơn 489.000 người nhập cư (Tổng cục thống kê, 2019).

Nữ giới chiếm đa số trong số những người di cư. Trong tổng số những người di cư, nữ giới chiếm 55,5%, trong khi trong số những người không di cư, nữ giới chiếm 50,1%.

Độ tuổi phổ biến của người di cư là từ 20-39 tuổi với 61,8% người di cư thuộc nhóm tuổi này, gần gấp đôi tỷ lệ người không di cư cùng nhóm tuổi (33,2%). Tuổi trung vị của người di cư là 28 tuổi, tức một nửa dân số di cư có độ tuổi dưới 28 trong khi tuổi trung vị của người không di cư là 31 tuổi, cao hơn 3 tuổi. Tuổi trung vị của nữ di cư thấp hơn so với nam di cư, của những người di cư ngoại tỉnh thấp hơn so với những người di cư nội tỉnh (đều tương ứng là 27 tuổi so với 29 tuổi). Như vậy, so với nam giới, nữ giới có xu hướng di cư sớm hơn và ở độ tuổi càng trẻ thì người di cư càng có xu hướng đi xa để thay đổi môi trường sống cũng như tìm kiếm cơ hội học tập, làm việc.

Có 34,3% phụ nữ di cư gặp khó khăn về việc làm, 42,6% gặp khó khăn về chỗ ở, 97,9% lao động phi chính thức không có bảo hiểm xã hội (Cục Bảo trợ xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2018).

Ngoài ra, phụ nữ di cư ít có điều kiện tham gia các hoạt động cộng đồng như sinh hoạt tổ dân phố, là thành viên của các hội/đoàn thể, hầu như không có cơ hội tiếp cận những phương tiện truyền thông đại chúng, do đó, nhiều thông tin xã hội và pháp luật liên quan trực tiếp tới quyền lợi của họ bị bỏ qua. Một nghiên cứu thực hiện năm 2019 - 2020 về cuộc sống an sinh của lao động nữ di cư trên địa bàn quận Hoàng Mai, Hà Nội cho thấy mặc dù đã có các chính sách, pháp luật về vấn đề nhà ở với nhiều điều khoản ưu đãi nhưng việc thực hiện các chính sách đó, việc tiếp cận nhà ở và các dịch vụ liên quan đến nơi ở của phụ nữ di cư còn rất nhiều trở ngại, khiến cuộc sống của họ vốn đã bấp bênh lại phải đối diện với nguy cơ mất an toàn, không bảo đảm an sinh (Học viện Phụ nữ Việt Nam, 2020). Đến nay, cả nước đã xây dựng được 5 triệu m² nhà ở xã hội nhưng mới chỉ đạt 41,5% nhu cầu của người dân về nhà ở xã hội, bên cạnh đó, không có chính sách đặc thù về nhà ở cho phụ nữ di cư, cũng như chưa có một thống kê chính xác về các nhóm đối tượng đã được tiếp cận chính sách nhà ở xã hội. Phụ nữ di cư còn gặp nhiều khó khăn về an sinh xã hội, về điều kiện sống, điều kiện sinh hoạt và vấn đề nhà ở (Ngô Bảo Ngọc, 2021).

Rà soát các chính sách về an sinh xã hội và nhà ở cho lao động nữ di cư

Hiến pháp 2013 đã hiến định “Công dân có quyền được đảm bảo an sinh xã hội” (Điều 34). Định hướng an sinh xã hội giai đoạn 2021 – 2030 được xây dựng theo cách tiếp cận mọi người dân thực sự có quyền được bảo đảm an sinh xã hội, trong đó có quyền được bảo đảm mức tối thiểu về một số dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục tối thiểu, y tế tối thiểu, nhà ở tối thiểu, nước sạch và bảo đảm thông tin).

Các văn bản pháp luật khác cũng nhắc đến quyền nhà ở như Điều 4, Luật Nhà ở năm 2014. Quyền bình đẳng giữa nam và nữ trong thụ hưởng các chính sách xã hội, an sinh xã hội và các lĩnh vực trong đời sống xã hội và gia đình được nhắc đến trong Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội khóa XI.

Bên cạnh đó, Nhà nước đã ban hành rất nhiều chính sách liên quan đến phát triển nhà ở xã hội như: Luật Nhà ở năm 2014, Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, Quyết định số 370/2018/QĐ-TTg ngày 03/4/2018 của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị số 03/CT-TTg về đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội... Chính phủ cũng ban hành các văn bản đề cập đến trách nhiệm của các doanh nghiệp, các đơn vị quản lý các khu công nghiệp, khu kinh tế trong việc bố trí chỗ ở cho người lao động, trong đó có lao động nữ, như Nghị định số 82/2018/NĐ-CP quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, Thông tư số 43/2019/TT-BTC về việc hướng dẫn thi hành quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP.

Nhằm giải quyết các khó khăn trong sinh hoạt cho người di cư, Nhà nước đã ban hành các văn bản chính sách pháp luật về giá bán điện cho những người thuê nhà (Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29/5/2014 quy định thực hiện giá bán điện và thông tư số 25/2018/TT-BCT ngày 12/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2014/TT-BCT ngày 29/5/2014). Chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước là một trong những căn cứ để đưa ra các giải pháp về nhà ở cho phụ nữ di cư.

Khái quát những phát hiện chính về thực trạng nhà ở và nhu cầu nhà ở của phụ nữ di cư (từ kết quả khảo sát của đề tài)

a. Các phát hiện chính về thực trạng nhà ở của phụ nữ di cư

62,0% số phụ nữ di cư tham gia khảo sát đang sống ở nhà thuê, 32,5% số phụ nữ ở nhà trọ bình dân, một số ít ở cùng nhà chủ, ở nhờ nhà người thân, bạn bè.

Phụ nữ di cư phần lớn thuê các loại hình nhà kiên cố công trình phụ khép kín và bán kiên cố công trình phụ khép kín (46,0% và 35,3%). Phần lớn phụ nữ di cư thuê nhà có diện tích nhà ở từ 11-15m, có khoảng hơn 10% phụ nữ di cư đang sống tại những căn nhà có diện tích dưới 10m².

70,6% số phụ nữ di cư đã chi trả số tiền thuê nhà khoảng trên 1.000.000 đồng/tháng, trong khi chỉ có 34,5% số phụ nữ có thu nhập trên 5.000.000 đồng/tháng. Do vậy, một bộ phận phụ nữ di cư chấp nhận những điều kiện cư trú kém hơn nhằm hạn chế chi phí phát sinh.

Về giá cả các loại dịch vụ nơi tạm trú, trong đó bao gồm tiền điện, nước, chỉ có 38,9% số phụ nữ cho rằng giá điện là phù hợp; số còn lại đánh giá về giá điện là rất cao, hơi cao nhưng chấp nhận được và cao với tỷ lệ lần lượt là: 11,2%, 20,2% và 29,7%.

Diện tích phòng trọ, vấn đề phòng cháy chữa cháy, cảnh quan, khu vui chơi và giải trí công cộng là những điều mà phụ nữ di cư không hài lòng nhất.

Gần 50% phụ nữ di cư lựa chọn mức điểm từ trên 70 điểm trên thang điểm 100 để đánh giá về điều kiện sống của họ tại nơi ở hiện nay so với mặt bằng chung. Phần lớn phụ nữ di

cư đang cư trú tại Tây Hồ tự đánh giá về điều kiện sống của khu vực hiện nay họ đang sống với mức điểm trên 70 trong khi đó chỉ có 1/3 số phụ nữ di cư ở huyện Đông Anh đánh giá ở mức điểm này.

b. Các phát hiện chính về nhu cầu nhà ở của phụ nữ di cư

30,8% phụ nữ di cư mong muốn thuê nhà riêng, 20,7% muốn thuê nhà trọ, 26,3% muốn mua nhà riêng, 2,7% muốn mua nhà có thời hạn. Trong đó, tỷ lệ phụ nữ di cư lao động tự do có nhu cầu thuê nhà cao hơn phụ nữ di cư có hợp đồng lao động, nhóm phụ nữ di cư có hợp đồng lao động mong muốn mua nhà nhiều hơn so với nhóm phụ nữ di cư không có hợp đồng lao động.

61,7% phụ nữ di cư có nhu cầu ở loại nhà riêng khép kín. 35,1% có nhu cầu nhà trọ giá rẻ do phù hợp với thu nhập của họ. Các yếu tố như giá cả phù hợp, diện tích nhà ở, điện nước theo quy định của nhà nước được phụ nữ di cư quan tâm hơn cả.

Đối với nhóm phụ nữ di cư có nhu cầu mua nhà: Phụ nữ di cư mong muốn sở hữu nhà ở xã hội cho người có thu nhập thấp với diện tích từ 41 - 60m², giá tiền từ 500-800 triệu đồng. Mặc dầu vậy, phụ nữ di cư không có sẵn tiền để mua nhà, họ đều có nhu cầu vay ngân hàng.

Có gần 1/3 phụ nữ di cư chưa biết họ sẽ vay ai/tổ chức nào khi họ mua nhà. Gần 1/2 phụ nữ di cư lựa chọn dự kiến vay tiền để mua nhà trong khoảng từ 6-10 năm, gần 1/5 vay trên 10 năm. Cũng gần 1/2 phụ nữ di cư mong muốn cách thức trả góp hàng tháng cho số tiền vay để mua nhà, còn lại là mong muốn được trả linh hoạt, trả góp hàng năm.

Đối với nhóm phụ nữ di cư có nhu cầu thuê nhà: họ quan tâm nhiều nhất đến yếu tố an toàn, đó là cửa chắc chắn và có khoá chốt trong. Các điều kiện khác như có chỗ phơi quần áo; công trình phụ khép kín, dùng riêng; có cửa sổ; giường ngủ cũng được coi là những nhu cầu tối thiểu cần có khi phụ nữ di cư đi tìm nhà thuê.

Các phát hiện chính về thực trạng nhà ở và nhu cầu về nhà ở của phụ nữ di cư cho thấy, phần lớn phụ nữ di cư đang sống trong nhà thuê, với mức thuê nhà trên dưới 1.000.000 đồng/tháng, chất lượng nhà thuê chưa tốt, không đảm bảo an sinh xã hội và các điều kiện an toàn. Bản thân phụ nữ di cư cũng không đánh giá cao chất lượng nhà ở của họ so với mặt bằng chung của thành phố (trên 50% cho điểm dưới 70/100). Tỷ lệ phụ nữ di cư có nhu cầu thuê nhà cao hơn so với nhóm có nhu cầu mua nhà, phần lớn mong muốn được thuê nhà có điều kiện riêng tư và an toàn. Đối với nhóm có mong muốn mua nhà, phụ nữ di cư muốn mua nhà giá rẻ và được trả góp trong khoảng từ 6 - 10 năm.

2. Giải pháp nhà ở từ quan điểm của phụ nữ di cư

Có rất nhiều giải pháp đưa ra để phụ nữ di cư lựa chọn và đánh giá về mức độ cần thiết với thang điểm từ 1 - 5 (trong đó, 1 điểm là hoàn toàn không cần thiết, 2 điểm là phần lớn không cần thiết, 3 điểm là phân vân, 4 điểm là cần thiết, 5 điểm là rất cần thiết).

Bảng 1: Các giải pháp nhà ở từ ý kiến của phụ nữ di cư (N=497)

Các giải pháp	Điểm trung bình
Có chính sách khuyến khích/cơ chế ràng buộc để chủ nhà trọ tính giá điện/nước theo quy định của nhà nước	3,82
Có chính sách cho vay ưu đãi hoặc hỗ trợ một phần kinh phí cho chủ các nhà trọ bị xuống cấp cải tạo để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, sự an toàn cho người di cư thuê trọ	3,69
Mỗi tỉnh/thành, quận/huyện xây dựng 1 mô hình nhà ở tập trung miễn phí cho phụ nữ di cư gặp khó khăn	3,67
Trợ giá/chi trả một phần cho các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp xã hội xây/kinh doanh nhà ở giá rẻ	3,54
Xây dựng nhà ở giá rẻ để cho thuê hoặc bán có thời hạn cho người/phụ nữ di cư	3,84
Hỗ trợ chi phí thuê nhà ở đối với nhóm phụ nữ di cư khó khăn	3,90
Xây dựng mạng lưới chủ nhà trọ để có thể có những cam kết hỗ trợ phụ nữ di cư	3,69
Thiết kế phần mềm tập hợp thông tin và bản đồ định vị nhà trọ bao gồm tình trạng nhà và mức giá nhà để người đi thuê dễ dàng tìm kiếm	3,57
Hình thành mạng lưới phụ nữ di cư theo địa bàn tỉnh/thành hoặc quận/huyện để hỗ trợ lẫn nhau	3,77
Kết nối mạng lưới phụ nữ di cư, người di cư trong địa bàn xã/phường	3,77
Kết nối mạng lưới di cư theo quê quán để hỗ trợ lẫn nhau	3,77
Hình thành mạng lưới cung cấp nhà ở miễn phí cho phụ nữ di cư có thời hạn (nhà từ thiện, mái ấm tình thương, nhà chùa, ...)	3,76
Hỗ trợ khác	3,68

Nhìn chung, không có sự khác biệt lớn về điểm trung bình giữa các giải pháp, với số điểm thấp nhất là 3,54 và cao nhất là 3,90. Các giải pháp mà phụ nữ di cư quan tâm hơn cả bao gồm: hỗ trợ chi phí thuê nhà ở đối với nhóm phụ nữ di cư khó khăn 3,90; xây dựng nhà ở giá rẻ để cho thuê hoặc bán có thời hạn cho người/phụ nữ di cư 3,84; có chính sách khuyến khích/cơ chế ràng buộc để chủ nhà trọ tính giá điện/nước theo quy định của nhà nước 3,82. Các giải pháp mà phụ nữ di cư cho rằng ít cần thiết nhất là: trợ giá/chi trả một phần cho các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp xã hội xây/kinh doanh nhà ở giá rẻ 3,54; thiết kế phần mềm tập hợp thông tin và bản đồ định vị nhà trọ bao gồm tình trạng nhà và mức giá nhà để người đi thuê dễ dàng tìm kiếm 3,57; mỗi tỉnh/thành, quận/huyện xây dựng 1 mô hình nhà ở tập trung miễn phí cho phụ nữ di cư gặp khó khăn 3,67.

Như vậy, kết quả khảo sát đã cho thấy, đối với phụ nữ di cư, các giải pháp cụ thể trước mắt, tác động, hỗ trợ trực tiếp cho cuộc sống của họ như hỗ trợ chi phí thuê nhà/mua nhà và tiền điện nước được đánh giá cao hơn là các giải pháp vĩ mô và các giải pháp tác động gián tiếp.

3. Giải pháp nhà ở cho phụ nữ di cư từ góc nhìn của các bên liên quan

Các bên liên quan được đề cập trong bài viết bao gồm: các chuyên gia xã hội học, các chuyên gia về lao động/lao động di cư, các chuyên gia từ các cơ quan liên quan như UBND thành phố Hà Nội, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên môi trường, các tổ chức phi chính phủ có liên quan ... Nội dung này bao gồm 10 giải pháp, trong đó, chúng tôi đã chia ra các nhóm giải pháp tác động gián tiếp và các nhóm giải pháp tác động trực tiếp đến phụ nữ di cư.

Bảng 2. Nhóm giải pháp chính sách hỗ trợ thuế cho chủ nhà trọ/doanh nghiệp kinh doanh nhà ở để gián tiếp hỗ trợ cho phụ nữ di cư

N=298

(Điểm trung bình: ĐTB; Độ lệch chuẩn: DLC)

STT	Các giải pháp để hỗ trợ vấn đề nhà ở cho phụ nữ di cư	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Miễn giảm thuế cho các chủ nhà trọ có từ 10 - 100 phụ nữ di cư và chiếm 50% trở lên tổng số người thuê trọ; hoặc từ 100 phụ nữ di cư trở lên và chiếm 30% tổng số người thuê trọ	3,79	0,897
2	Có chính sách, dự án hỗ trợ lãi suất hoặc hỗ trợ 1 phần kinh phí cho chủ các nhà trọ (đã xuống cấp) cải tạo để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, sự an toàn cho người thuê trọ	3,91	0,849
3	Khuyến khích, hỗ trợ (trợ giá, chi trả một phần, miễn/ưu đãi thuế...) cho các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp xã hội xây/kinh doanh nhà ở cho thuê giá rẻ phục vụ đối tượng di cư, công nhân	3,94	0,807

Trong nhóm các giải pháp hỗ trợ thuế cho chủ nhà trọ/doanh nghiệp kinh doanh nhà ở góp phần gián tiếp hỗ trợ cho phụ nữ di cư không được đánh giá cao thể hiện ở mức điểm trung bình dưới 4,0 điểm. Như vậy, các bên liên quan không ủng hộ nhóm giải pháp này.

Ở tầm vĩ mô, việc quy hoạch đô thị cũng đã có những ý kiến dành quỹ đất để xây nhà ở cho công nhân lao động di cư, tuy nhiên đề xuất này không được thực thi.

Người lao động đa phần phải thuê trọ, nên gần như số lương đó chỉ đủ phục vụ cho nhu cầu ăn ở, chi phí học hành của con cái. Mười năm trước, chúng tôi đã từng đề xuất với UBND thành phố Hồ Chí Minh để xin đất, xin quy hoạch nhằm xây ký túc xá cho công nhân. Tuy nhiên, kể

hoạch này bị đổ vỡ vì chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng quá lớn. (PVS, nữ, Lãnh đạo Hội Dệt may Thêu đan TP Hồ Chí Minh).

Bảng 3. Nhóm giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho phụ nữ di cư

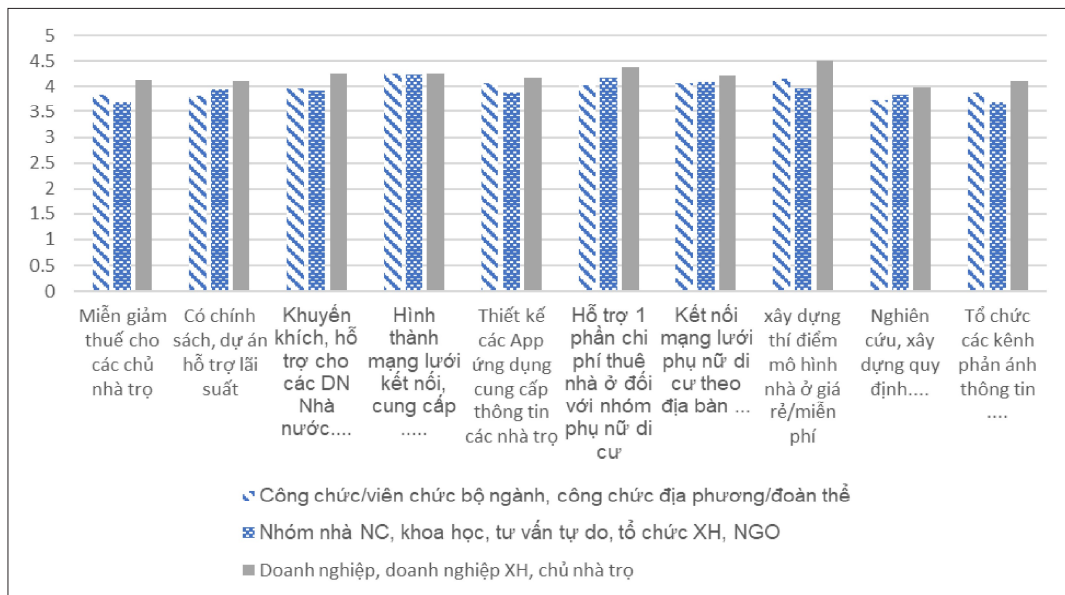
N=298

TT	Giải pháp để hỗ trợ vấn đề nhà ở cho phụ nữ di cư	Điểm trung bình	Độ lệch chuẩn
1	Hình thành mạng lưới kết nối, cung cấp dịch vụ nhà ở miễn phí/giá rẻ và giới thiệu việc làm, dạy nghề cơ bản, trang bị kỹ năng sống cho phụ nữ di cư	4,32	0,737
2	Thiết kế các App ứng dụng cung cấp thông tin các nhà trọ (tình trạng nhà, vị trí, giá cả)	4,16	0,729
3	Hỗ trợ 1 phần chi phí thuê nhà ở đối với nhóm phụ nữ di cư khó khăn	4,11	0,857
4	Kết nối mạng lưới phụ nữ di cư theo địa bàn sinh sống/quê quán để hỗ trợ lẫn nhau	4,10	0,729
5	Các đô thị lớn xây dựng thí điểm mô hình nhà ở giá rẻ/miễn phí (có thời hạn) cho các đối tượng phụ nữ di cư gặp khó khăn	4,04	0,879
6	Nghiên cứu, xây dựng quy định: Các chủ sử dụng lao động di cư đóng quỹ nhà ở để hỗ trợ lao động di cư	3,79	0,908
7	Tổ chức các kênh phản ánh thông tin về chất lượng nhà trọ	3,82	1,040

Phần lớn trong nhóm các giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho phụ nữ di cư đều được đánh giá rất cao với mức điểm từ 4,04 đến 4,32 và độ lệch chuẩn tương đối thấp, nghĩa là các ý kiến khá tập trung, đồng thuận. Đó là các giải pháp: hình thành mạng lưới kết nối, cung cấp dịch vụ nhà ở miễn phí/giá rẻ và giới thiệu việc làm, dạy nghề cơ bản, trang bị kỹ năng sống cho phụ nữ di cư; thiết kế các App ứng dụng cung cấp thông tin các nhà trọ (tình trạng nhà, vị trí, giá cả); hỗ trợ 1 phần chi phí thuê nhà ở đối với nhóm phụ nữ di cư khó khăn, kết nối mạng lưới phụ nữ di cư theo địa bàn sinh sống/quê quán để hỗ trợ lẫn nhau và các đô thị lớn xây dựng thí điểm mô hình nhà ở giá rẻ/miễn phí (có thời hạn) cho các đối tượng phụ nữ di cư gặp khó khăn. Hai giải pháp còn lại là nghiên cứu, xây dựng quy định: các chủ sử dụng lao động di cư đóng quỹ nhà ở để hỗ trợ lao động di cư và tổ chức các kênh phản ánh thông tin về chất lượng nhà trọ với số điểm trung bình thấp hơn là 3,79 và 3,82 điểm.

Hầu hết các giải pháp đều nhận được sự đồng thuận cao ở nhóm doanh nghiệp, doanh nghiệp xã hội và các chủ nhà trọ với điểm trung bình từ 4 đến 4,5, trong đó, 3 giải pháp nhận được sự nhất trí cao nhất từ nhóm này bao gồm: các đô thị lớn xây dựng thí điểm mô hình nhà ở giá rẻ/miễn phí (có thời hạn) cho các đối tượng phụ nữ di cư gặp khó khăn; hỗ trợ một phần chi phí thuê nhà ở đối với nhóm phụ nữ di cư khó khăn; và khuyến khích, hỗ trợ

(trợ giá, chi trả một phần, miễn/ưu đãi thuế...) cho các doanh nghiệp Nhà nước, các doanh nghiệp xã hội xây/kinh doanh nhà ở cho thuê giá rẻ phục vụ đối tượng di cư, công nhân.



Hình 1: Quan điểm về giải pháp nhà ở cho phụ nữ di cư của các bên liên quan theo nhóm nghề nghiệp

Nhóm công chức/viên chức bộ ngành, công chức địa phương/đoàn thể ủng hộ cao nhất các giải pháp: hình thành mạng lưới kết nối, cung cấp dịch vụ nhà ở miễn phí/giá rẻ và giới thiệu việc làm, dạy nghề cơ bản, trang bị kỹ năng sống cho phụ nữ di cư; các đô thị lớn xây dựng thí điểm mô hình nhà ở giá rẻ/miễn phí (có thời hạn) cho các đối tượng phụ nữ di cư gặp khó khăn; thiết kế các App ứng dụng cung cấp thông tin các nhà trọ (tình trạng nhà, vị trí, giá cả); và kết nối mạng lưới phụ nữ di cư theo địa bàn sinh sống/quê quán để hỗ trợ lẫn nhau.

Nhóm các nhà nghiên cứu, khoa học, tư vấn tự do và các tổ chức phi chính phủ tán đồng cao ở các giải pháp: hình thành mạng lưới kết nối, cung cấp dịch vụ nhà ở miễn phí/giá rẻ và giới thiệu việc làm, dạy nghề cơ bản, trang bị kỹ năng sống cho phụ nữ di cư; hỗ trợ 1 phần chi phí thuê nhà ở đối với nhóm phụ nữ di cư khó khăn; và kết nối mạng lưới phụ nữ di cư theo địa bàn sinh sống/quê quán để hỗ trợ lẫn nhau.

Như vậy, có sự thống nhất tương đối giữa các nhóm nghề nghiệp của các bên liên quan trong việc ủng hộ với các giải pháp nhà ở mà nhóm nghiên cứu đưa ra: các đô thị lớn xây dựng thí điểm mô hình nhà ở giá rẻ/miễn phí (có thời hạn) cho các đối tượng phụ nữ di cư gặp khó khăn; hỗ trợ một phần chi phí thuê nhà ở đối với nhóm phụ nữ di cư khó khăn; hình thành mạng lưới kết nối, cung cấp dịch vụ nhà ở miễn phí/giá rẻ và giới thiệu việc làm, dạy nghề cơ bản, trang bị kỹ năng sống cho phụ nữ di cư đều nhận được sự đánh giá cao từ 2/3 nhóm nghề nghiệp. Quan điểm này cũng phần nào tương đồng với quan điểm của phụ nữ

di cư khi đánh giá về mức độ cần thiết của các giải pháp hỗ trợ trực tiếp đối với vấn đề nhà ở của chính họ.

Có một thực tế là các nhà trọ hiện nay đang bị thả nổi. Các chủ nhà xin phép xây dựng nhà riêng lẻ hoặc sửa chữa nhà cũ rồi tự ý cải tạo thành phòng trọ, rất nhiều phòng trọ không đủ chuẩn về diện tích, chiều rộng và chiều cao thông thủy. Đặc biệt, vẫn còn những khu trọ sử dụng nhà vệ sinh chung, không có khu riêng cho nam và nữ... nhưng vẫn tồn tại. Vì vậy giải pháp siết lại các quy định tiêu chuẩn đối với nhà trọ cũng cần được quan tâm.

Kết luận

Có thể thấy rằng, kết quả nghiên cứu đã chỉ ra các căn cứ cơ bản làm cơ sở cho việc xây dựng các giải pháp về nhà ở cho phụ nữ di cư bao gồm: tình hình di cư nói chung và vấn đề phụ nữ di cư nói riêng, hệ thống chính sách xã hội về nhà ở và các chính an sinh xã hội, các văn bản chính sách đề cập đến chức năng đại diện của Hội LHPN Việt Nam, và các kết quả khảo sát của nghiên cứu về tình hình nhà ở và nhu cầu nhà ở của các nhóm phụ nữ di cư. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đã khảo sát các ý kiến của phụ nữ di cư cũng như các bên liên quan, từ đó đưa ra các giải pháp về nhà ở cho phụ nữ di cư. Các giải pháp được phụ nữ di cư quan tâm nhất là các giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho phụ nữ di cư như: hỗ trợ chi phí thuê nhà ở đối với nhóm phụ nữ di cư khó khăn, xây dựng nhà ở giá rẻ để cho thuê hoặc bán có thời hạn cho người/phụ nữ di cư, có chính sách khuyến khích/cơ chế ràng buộc để chủ nhà trọ tính giá điện/nước theo quy định của nhà nước. Cùng quan điểm với nhóm phụ nữ di cư, các bên liên quan cũng ủng hộ giải pháp hỗ trợ trực tiếp cho phụ nữ di cư theo phương án: hình thành mạng lưới kết nối, cung cấp dịch vụ nhà ở miễn phí/giá rẻ và giới thiệu việc làm, dạy nghề cơ bản, trang bị kỹ năng sống cho phụ nữ di cư.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2018). Báo cáo nghiên cứu “Quyền an sinh xã hội cho phụ nữ di cư”. Hà Nội.
- Dự án “Tổ chức bánh mỳ Thế giới” & Học viện Phụ nữ Việt Nam (2020). Nghiên cứu về cuộc sống an sinh của lao động nữ di cư.
- Học viện Phụ nữ Việt Nam (2014). *Dự án điều tra cơ bản về chất lượng cuộc sống lao động nữ di cư*. Hà Nội: Nxb Lao động Xã hội
- Ngô Bảo Ngọc (2021). Thực trạng và giải pháp phát triển nhà ở xã hội tại các đô thị ở Việt Nam. Lấy từ <https://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/thuc-trang-va-giai-phap-phat-trien-nha-o-xa-hoi-tai-cac-do-thi-o-viet-nam-82178.htm>
- Tổng cục Thống kê & Quỹ dân số Liên hợp quốc (2016). *Điều tra di cư nội địa Việt Nam năm 2015: Các kết quả chủ yếu*. Hà Nội: Nxb Thông tấn.
- Tổng cục thống kê (2019). *Kết quả toàn bộ tổng điều tra dân số và nhà ở 2019*. Hà Nội: Nxb Tổng cục Thống kê.